

Bản án số: 131/2018/DS-PT.
Ngày: 16 – 10 – 2018
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thanh

Các Thẩm phán: Ông Dương Quốc Tuấn

Bà Trịnh Thị Bích Hạnh

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Phương Khánh – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang:** Ông Nguyễn Văn Hòa - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, công khai xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số 79/2018/TLPT-DS ngày 24 tháng 8 năm 2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 150/2018/DS-ST, ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 275A/2018/QĐ-PT, ngày 01 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lâm Thị N;

Địa chỉ: Ấp C, xã T, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hoàng M;

Bà Bùi Thị P.

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã T, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Bùi Ngọc H.

Địa chỉ: Ấp C, xã T, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Bùi Thị P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lâm Thị N trình bày: Vào ngày 06/3/2016 (âl) do quen biết nên bà N có

cho bà Bùi Thị P và ông Nguyễn Hoàng M vay số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn là 04 tháng, lãi suất mỗi tháng là 2.500.000 đồng, khi vay bà P có làm biên nhận nợ. Bà P đã trả lãi được 08 lần với số tiền 20.000.000 đồng, sau đó thì bà P không trả lãi cũng không trả vốn cho bà nữa. Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà P và ông M trả cho bà số tiền vốn 50.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật, thời gian tính lãi từ ngày 06/3/2016 (âl) đến ngày 01/11/2017 (âl). Tại phiên tòa sơ thẩm, bà N thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà N chỉ yêu cầu bà Bùi Thị P trả lại 50.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 06/3/2016(âl) đến ngày xét xử sơ thẩm, nếu tiền lãi bà P đã trả thừa thì bà N đồng ý trừ vào tiền vốn và bà N rút lại yêu cầu khởi kiện đối với ông Nguyễn Hoàng M.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Bùi Thị P trình bày: Bà thừa nhận vào năm 2016 bà có vay của bà N số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 2.500.000 đồng/tháng. Đến ngày 06/8/2016 (âl), bà đã trả 50.000.000 đồng tiền vốn và 10.000.000 đồng tiền lãi cho nguyên đơn. Khi trả tiền vốn và lãi, bà giao tiền trực tiếp cho bà Bùi Ngọc H là con dâu của bà N nhận thay. Khi giao tiền không có lập biên nhận nhưng bà đã lấy lại biên nhận gốc và bà đã xé bỏ. Biên nhận mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án không phải biên nhận do bị đơn viết. Ông Nguyễn Hoàng M là chồng của bị đơn không có liên quan trong vụ án này.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Ngọc Hà trình bày: Bà Hà có nhận tiền lãi của bị đơn 08 lần với số tiền là 20.000.000 đồng và bà đã giao lại cho nguyên đơn còn về tiền vốn 50.000.000 đồng thì bà Hà không có nhận.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 150/2018/DS-ST ngày 05/7/2018 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị N.
2. Buộc bà Bùi Thị P có trách nhiệm trả cho bà Lâm Thị N số tiền 40.775.000 đồng (Bốn mươi triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).
3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị N đối với ông Nguyễn Hoàng M.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí giám định, lãi chậm trả và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 17/7/2018, bị đơn bà Bùi Thị P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Lâm Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn bà Bùi Thị P vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm nhân dân tỉnh Hậu Giang trình bày quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn bà Lâm Thị N khởi kiện yêu cầu yêu cầu bà Bùi Thị P trả số tiền nợ vay và lãi suất mà bà N cho rằng bà P đã vay, bà P chưa trả vốn và lãi suất theo thỏa thuận. Bị đơn cư trú trên địa bàn thành phố V nên Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang thụ lý, giải quyết theo quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là có căn cứ, đúng thẩm quyền.

[1.2] Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17/7/2018 bà Bùi Thị P có đơn kháng cáo đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được xem là hợp lệ và được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng cáo của bà Bùi Thị P yêu cầu cấp phúc bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguyên đơn bà Lâm Thị N cho rằng bà Bùi Thị P vay tiền của bà số tiền 50.000.000 đồng và bà P chỉ đóng lãi được 08 lần với số tiền là 20.000.000 đồng thì bà P không trả lãi nữa và cũng không trả vốn cho bà N. Do đó, bà N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà P trả lại vốn là 50.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm. Để chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình thì bà N cung cấp cho Tòa án biên nhận ngày 06/3/2016 (â) thể hiện nội dung bà Bùi Thị P có hỏi bà Lâm Thị N số tiền 50.000.000 đồng. Bị đơn thừa nhận là có vay của nguyên đơn số tiền 50.000.000đ nhưng bị đơn cho rằng đã trả vốn đủ cho nguyên đơn, đã lấy lại biên nhận gốc và đã xé bỏ nên không thừa nhận chữ viết và chữ ký trong biên nhận mà nguyên đơn cung cấp là của bị đơn. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Bùi Thị P yêu cầu giám định chữ viết, chữ ký trong biên nhận ngày 06/3/2016 (â) mà nguyên đơn cung cấp. Tại Kết luận giám định số: 1080/C54B ngày 20/4/2018 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh thì chữ ký và chữ viết trong biên nhận ngày 06/3/2016 (â) là của bị đơn Bùi Thị P. Mặt khác, bà P cho rằng bà đã trả đủ vốn và lãi suất sau khi vay 04 tháng từ ngày vay là ngày 05/4/2016 (â). Tuy nhiên, tại Biên bản hòa giải ngày 27/11/2017 của Tổ hòa giải

ấp Thanh Hòa, xã T, thành phố V, tỉnh Hậu Giang thể hiện nội dung bà P thừa nhận có vay của bà N 50.000.000 đồng, có đóng lãi được 08 tháng nhưng không có thể hiện bà P đã trả xong nợ vay như bà P trình bày. Do đó, ý kiến của bà P cho rằng đã trả xong nợ vay là không có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về lãi suất: Xét thấy mức lãi suất hai bên thỏa thuận tại thời điểm vay là cao, vượt quá so với mức lãi suất quy định tại Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật, căn cứ vào Khoản 1 Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định “*Lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với từng loại cho vay tương ứng*”. Mức lãi suất cơ bản theo Quyết định số: 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định là 9%/năm, tương ứng 0,75%/tháng. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng mức lãi suất 1,125%/tháng từ ngày 06/3/2016 (âl) tức ngày 12/4/2016 đến ngày 12/8/2016 và mức lãi suất 0,75%/tháng từ ngày 13/8/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm, trừ lại số tiền bị đơn đã trả là đã có lợi cho bị đơn.

[3] Từ những nhận định nêu trên, xét kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ để chấp nhận. Đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo của bà Bùi Thị P nên bà P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 471, 474, 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Bùi Thị P.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 150/2018/DS-ST, ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị N.

2. Buộc bà Bùi Thị P có nghĩa vụ trả cho bà Lâm Thị N số tiền 40.775.000 đồng (bốn mươi triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

“Kể từ ngày bà Lâm Thị N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Bùi Thị P chậm thực hiện nghĩa vụ trả số tiền trên thì hàng tháng bà P còn phải chịu lãi chậm trả đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, mức lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định của khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015”.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị N đối với ông Nguyễn Hoàng M.

4. Chi phí giám định chữ viết, chữ ký: Buộc bà Bùi Thị P phải chịu số tiền 3.440.000 đồng (ba triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng), (bà P đã nộp xong).

5. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bùi Thị P phải chịu số tiền 2.038.750 đồng (hai triệu không trăm ba mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Bà Lâm Thị N được nhận lại 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0012691 ngày 27/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

6. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Bùi Thị P phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà P đã nộp theo Biên lai thu số 0016167 ngày 17/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND TP. V, tỉnh Hậu Giang;
- Chi cục THADS TP. V, Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Thanh

